

Bản án số:14/2021/DS-PT

Ngày: 13- 4- 2021

*“V/v tranh chấp yêu cầu chia  
di sản thừa kế quyền sử dụng đất”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Dũng

*Các thẩm phán:* Ông Võ Minh Tiến

Bà Hoàng Thị Mai Hạnh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Chí Thương – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:**  
Ông Võ Văn Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2020/TLPT-DS ngày 17 tháng 11 năm 2020, về việc: *“Tranh chấp yêu cầu chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất”*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 24/2020/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 41/2021/QĐ-PT ngày 05 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Phan D, sinh năm 1960.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Anh Phan Duy T, sinh năm 1987.

Cùng trú tại: Tổ 7 (nay là tổ 3), phường NL, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

**- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:** Ông Thiệu QV, Luật sư Văn phòng Luật sư QV, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ: Tổ 5 phường NC, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

**- Bị đơn:** Ông Phan K, sinh năm 1968,

Trú tại: Tổ 6 (nay là tổ 3), phường NL, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Ông Hà VP, Luật sư Văn phòng Luật sư VP, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ: Số 399 đường Lê Lợi, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

**- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Bà Phan TC, sinh năm 1963; trú tại: Tổ 24 (nay là tổ 2), phường TP, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Anh Phan Duy T, sinh năm 1987; trú tại: Tổ 7 (nay là tổ 3), phường NL, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bà Đặng Thị Thu H, sinh năm 1968;

3. Anh Phan Ngọc D;

4. Chị Phan Thị Ngọc T;

5. Ông Phan P, sinh năm 1961;

Cùng trú tại: Tổ 6 (nay là tổ 3), phường NL, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đặng Thị Thu H và ông Phan P:* Ông Hà VP, Luật sư Văn phòng Luật sư VP, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ: Số 399 đường Lê Lợi, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Bà Phan Thị H, sinh năm 1954; trú tại: Thôn Phú Sơn, xã Nghĩa K, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

*Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Phan D, bị đơn ông Phan K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan P, bà Đặng Thị Thu H.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Phan D do anh Phan Duy T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Cha ông Phan D là cụ Phan B (chết năm 2005), mẹ là cụ Nguyễn Thị H (chết năm 2011). Cụ B và cụ H sinh được 05 người con gồm các ông, bà Phan Thị H, Phan D, Phan P, Phan TC và Phan K; ngoài ra không còn người con nào khác.

Nguồn gốc thửa đất số 1406, tờ bản đồ số 3 tại phường NL, thành phố Quảng Ngãi cha mẹ ông đã sử dụng trước năm 1983. Ngày 30-12-2005, Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD952984, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00582 cho cụ Phan B và cụ Nguyễn Thị H có diện tích 1.110,5m<sup>2</sup> thuộc thửa số 1406, tờ bản đồ số 3, phường NL, thành phố Quảng Ngãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cung cấp bản di chúc đề ngày 06-12-2005, theo nguyên đơn là không hợp pháp. Vì tại thời điểm lập di chúc cụ B đã 87 tuổi và cụ H đã 85 tuổi nên tinh thần không minh mẫn sáng suốt; chữ viết trong bản di chúc không phải do cụ B và cụ H trực tiếp viết; hai người làm chứng là ông

Phan P và bà Phan Thị H là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ B và cụ H.

Do đó, ông D yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế của cụ B và cụ H để lại là thửa đất số 1406, tờ bản đồ số 3, phường NL, thành phố Quảng Ngãi cho ông D, bà H, bà C, ông P, ông K và 01 kỷ phần công sức đóng góp, gìn giữ, tôn tạo, bảo quản di sản, công sức chăm sóc nuôi dưỡng người để lại di sản giao cho ông Phan K. Ông D yêu cầu được chia bằng hiện vật và yêu cầu được nhận phần đất trồng phía Bắc của thửa đất với diện tích khoảng 200m<sup>2</sup>.

Khi chia di sản thừa kế thì yêu cầu mở đường đi làm lối đi chung nằm phía Tây của thửa đất có chiều rộng là 2m và kéo dài từ đầu phía Nam ra phía Bắc đến hết thửa đất. Trường hợp phần đất chia cho ông D có tài sản là công trình, vật kiến trúc, cây trồng trên đất thì ông D yêu cầu được nhận và đồng ý thanh toán giá trị cho bị đơn. Bà C từ chối không nhận kỷ phần thừa kế mà giao cho ông D thì ông D đồng ý nhận. Chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và thẩm định giá chia theo kỷ phần được hưởng. Ngoài ra cụ B và cụ H không còn để lại di sản nào khác.

*\* Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là ông Phan K trình bày:*

Về quan hệ huyết thống và nguồn gốc di sản, ông thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn nhưng trước khi chết cha, mẹ đã lập bản di chúc đề ngày 06 tháng 12 năm 2005 để lại toàn bộ thửa đất số 1406, diện tích 1.110,5m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 3, phường NL, thành phố Quảng Ngãi cho vợ chồng ông trọn quyền sử dụng nên ông không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của nguyên đơn.

Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn thì đối với công sức đóng góp, gìn giữ, tôn tạo, bảo quản tài sản, công sức chăm sóc nuôi dưỡng cha mẹ ông yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật. Ông không đồng ý mở lối đi chung nằm phía Tây của thửa đất có chiều rộng là 2m và kéo dài từ đầu phía Nam ra phía Bắc đến hết thửa đất theo yêu cầu của nguyên đơn vì ông không đồng ý chia thừa kế theo pháp luật. Trường hợp phần đất chia cho nguyên đơn có tài sản là công trình, vật kiến trúc, cây trồng trên đất thì nguyên đơn phải thanh toán giá trị cho ông.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phan TC trình bày:* Bà đồng ý với nguyên đơn, bị đơn về quan hệ huyết thống, về thời điểm cha mẹ chết và nguồn gốc thửa đất số 1406. Tuy nhiên cha, mẹ chết không để lại di chúc. Nay bà đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn là chia thừa kế theo pháp luật nhưng kỷ phần của bà được hưởng thì bà từ chối nhận và giao toàn bộ cho ông Phan D.

*\* Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đặng Thị Thu H trình bày:* Bà là vợ ông Phan K, bà thống nhất với lời trình bày của ông Phan K, bà không bổ sung gì thêm và không yêu cầu gì khác. Trường hợp Tòa chia di sản thừa kế theo pháp luật và buộc nguyên đơn thanh toán giá trị vật kiến trúc, công trình và cây trồng trên đất cho bị đơn thì bà thống nhất giao cho ông Phan K nhận.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phan P trình bày:* Ông đồng ý với nguyên đơn, bị đơn về quan hệ huyết thống, về thời điểm cha mẹ chết và nguồn gốc thửa đất số 1406. Tuy nhiên, trước khi cha, mẹ chết có để lại di chúc cho vợ chồng ông Phan K được hưởng toàn bộ di sản nên ông không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của nguyên đơn. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn thì ông từ chối nhận kỷ phần của ông được hưởng mà giao toàn bộ cho ông Phan K.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phan Thị H trình bày:* Bà đồng ý với nguyên đơn, bị đơn về quan hệ huyết thống, về thời điểm cha mẹ chết và nguồn gốc thửa đất số 1406. Tuy nhiên cha, mẹ chết có để lại di chúc cho vợ chồng Phan K được hưởng toàn bộ di sản nên không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của nguyên đơn. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn thì bà từ chối nhận kỷ phần của bà được hưởng mà giao toàn bộ cho ông Phan K.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Phan Ngọc D và chị Phan Thị Ngọc T do bà Đặng Thị Thu H là người đại diện theo ủy quyền trình bày:* Anh, chị là con của ông K và bà H. Thửa đất số 1406 là của ông bà Nội để lại cho cha mẹ của anh chị. Tài sản trên đất là của ông K, bà H xây dựng tuy nhiên anh, chị cũng có đóng góp tiền và công sức. Anh, chị thống nhất với ý kiến của ông K, bà H. Trường hợp Tòa chia di sản thừa kế theo pháp luật và buộc nguyên đơn thanh toán giá trị vật kiến trúc, công trình và cây trồng trên đất thì anh, chị thống nhất giao cho ông K nhận. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

*\* Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2020/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi đã xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan D về việc chia thừa kế di sản của cụ Phan B và cụ Nguyễn Thị H theo pháp luật đối với diện tích đất 1.207,1m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 1406, tờ bản đồ số 3 (nay là thửa số 160, tờ bản đồ số 49 đo vẽ năm 2016), phường NL, thành phố Quảng Ngãi.

2. Tuyên bố Di chúc lập ngày 06 tháng 12 năm 2005 nhằm ngày 06 tháng 11 năm Ất Dậu của cụ Phan B và cụ Nguyễn Thị H không hợp pháp.

3. Hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của cụ B và cụ H gồm các ông, bà Phan Thị H, Phan D, Phan TC, Phan P và Phan K.

4. Mở lối đi có diện tích là 101,6m<sup>2</sup> (ký hiệu là C) thuộc một phần thửa đất số 1406, tờ bản đồ số 3 (nay là thửa số 160, tờ bản đồ số 49 đo vẽ năm 2016), phường NL, thành phố Quảng Ngãi có giới cận phía Bắc giáp thửa 146, phía Tây giáp thửa 147 và đường đi, phía Nam giáp thửa 171, phía Đông giáp phần đất giao cho ông Phan D và ông Phan K.

5. Di sản thừa kế của cụ Phan B và cụ Nguyễn Thị H được chia theo pháp luật cho bà Phan Thị H, ông Phan D, bà Phan TC, ông Phan P và ông Phan K là 1.207,1m<sup>2</sup> đất; trừ 101,6m<sup>2</sup> mở lối đi còn lại là 1.105,5m<sup>2</sup>, thành tiền là 608.025.000 đồng thuộc thửa đất số 1406, tờ bản đồ số 3 (nay là thửa số 160, tờ bản đồ số 49 đo vẽ năm 2016), phường NL, thành phố Quảng Ngãi. Ông Phan K

được nhận thêm 01 kỷ phần công tôn tạo, bảo quản di sản, công sức chăm sóc và nuôi dưỡng người để lại di sản, do đó mỗi kỷ phần được nhận là  $184,25\text{m}^2$  đất.

6. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phan TC về việc từ chối nhận kỷ phần thừa kế được hưởng là  $184,25\text{m}^2$  đất và giao cho ông Phan D.

7. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phan Thị H và ông Phan P về việc từ chối nhận kỷ phần thừa kế của mình được hưởng là  $184,25\text{m}^2 \times 2 = 368,5\text{m}^2$  đất và giao cho ông Phan K.

8. Giao cho ông Phan D quản lý, sử dụng diện tích đất  $222,2\text{m}^2$  (ký hiệu là A) thuộc một phần thửa đất số 1406, tờ bản đồ số 3 (nay là thửa số 160 tờ bản đồ số 49 đo vẽ năm 2016), phường NL, thành phố Quảng Ngãi có giới cận: Phía Bắc giáp thửa đất số 146; phía Đông giáp thửa đất số 168; phía Nam giáp phần đất giao cho ông Phan K và phía Tây giáp phần đất mở lối đi. Trên diện tích đất giao cho ông Phan D có 01 chuồng heo và cây trồng của ông Phan K và bà Đặng Thị Thu H.

9. Giao cho ông Phan K quản lý, sử dụng diện tích đất  $883,3\text{m}^2$  (ký hiệu là B), thuộc một phần thửa đất số 1406, tờ bản đồ số 3 (nay là thửa số 160, tờ bản đồ số 49 đo vẽ năm 2016), phường NL, thành phố Quảng Ngãi có giới cận phía Bắc giáp phần đất giao cho ông Phan D; phía Đông giáp các thửa đất số 168, 169, 170, 180, 179 và 181; phía Nam giáp các thửa đất số 171, 177, 178 và phía Tây giáp phần đất mở lối đi.

10. Phần đất giao cho ông Phan K nhiều hơn so với kỷ phần được hưởng là  $146,3\text{m}^2$ , do đó buộc ông Phan K phải thanh toán cho ông Phan D số tiền là 80.465.000đ (Tám mươi triệu, bốn trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

11. Buộc ông Phan D phải thanh toán cho ông Phan K giá trị chuồng heo là 823.860đ (Tám trăm hai mươi ba nghìn, tám trăm sáu mươi đồng). Ghi nhận sự tự nguyện của ông Phan D về việc thanh toán giá trị cây trồng trên phần đất được nhận và trên phần đất mở lối đi cho ông Phan K số tiền là 5.500.000đ (Năm triệu, năm trăm nghìn đồng).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

(Phần đất chia cho các đương sự quản lý, sử dụng có sơ đồ kèm theo và là một bộ phận không thể tách rời của bản án).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

\* Ngày 09/9/2020, nguyên đơn ông Phan D có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, giao cho nguyên đơn  $368,5\text{m}^2$  đúng theo kỷ phần thừa kế mà nguyên đơn đã khởi kiện và phần được bà Phan TC giao cho nguyên đơn.

\* Ngày 05/9/2020, bị đơn ông Phan K; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Thu H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; đề nghị Tòa

án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, bác đơn khởi kiện chia thừa kế của nguyên đơn và công nhận bản di chúc ngày 06/12/2005 của ông Phan B, bà Nguyễn Thị H là hợp pháp.

\* Ngày 05/9/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan P, có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, bác đơn khởi kiện chia thừa kế của nguyên đơn và công nhận bản di chúc ngày 06/12/2005 của ông Phan B, bà Nguyễn Thị H.

*Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:*

Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ, xác định Bản di chúc lập ngày 06/12/2005 của cụ B, cụ H không hợp pháp là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật được quy định tại các Điều 654, 655, 656 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Tòa án cấp sơ phân chia phần di sản thừa kế cho ông D được hưởng và phần ông D được nhận từ bà Phan TC chỉ có 222,2m<sup>2</sup> nằm ở cuối thửa đất là không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của ông D. Bởi lẽ, phần đất mà phía bị đơn được hưởng (liền kề về phía Bắc phần di sản ông D được hưởng) có đủ diện tích để chia bằng hiện vật cho phía ông D diện tích 146,3m<sup>2</sup>. Ông D đồng ý thanh toán lại giá trị vật kiến trúc, cây cối có trên phần diện tích đất này cho phía bị đơn. Do đó, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chia đủ diện tích 368,5m<sup>2</sup> cho ông D.

*Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:*

Nội dung Bản di chúc lập ngày 06/12/2005 của cụ B, cụ H giao nghĩa vụ cho vợ chồng ông K, bà H phải thực hiện khi cụ B, cụ H qua đời là hoàn toàn đúng ý chí của cụ B, cụ H khi còn sống, hoàn toàn phù hợp với đạo đức, phong tục tập quán và phù hợp với pháp luật. Đây là Bản di chúc chung của vợ chồng cụ B, cụ H nên sau khi cụ H chết thì mới phát sinh hiệu lực.

Vợ chồng ông K, bà H đã nuôi dưỡng, chăm sóc cụ B, cụ H từ năm 2000 và tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc ông P từ năm 2011 đến nay (sau khi cụ H chết). Bản di chúc này do ông Nguyễn Tân An viết giúp và không có người làm chứng. Ông P, bà H áp chỉ và ký vào Bản di chúc này không phải là người làm chứng, mà nhằm xác nhận việc cụ B, cụ H đã điểm chỉ vào Bản di chúc này. Do đó, Bản di chúc này là hợp pháp đúng quy định tại các Điều 652, 653, 655 Bộ luật dân sự năm 2005.

Về chia thừa kế: Ông K, bà H đã và đang thực hiện toàn bộ nghĩa vụ theo Bản di chúc của cụ B, cụ H nên được hưởng toàn bộ di sản của hai cụ để lại theo nội dung di chúc. Nghĩa vụ mà ông K, bà H phải thực hiện và đã thực hiện theo di chúc suốt hơn 20 năm qua (từ năm 2000-2020). Tổng cộng các khoản chi phí do cha mẹ giao cho ông K bà H đã và đang thực hiện nghĩa vụ số tiền 2.084.885.640đ, bao gồm các nghĩa vụ sau: Lo xây dựng mồ mả ông bà cha mẹ; toàn bộ chi phí phụng dưỡng thuốc thang cho cha mẹ trong suốt thời gian từ khi cha mẹ già yếu đến khi cha mẹ qua đời, lo án táng, xây mộ cho cha mẹ; chi phí nuôi dưỡng thuốc thang cho anh P người tàn tật từ khi cha mẹ già yếu đến hết

cuộc đời Phan P, sau khi Phan P chết lo xây mồ mả và thờ phụng anh P; thanh toán chi phí làm nhà thờ, cúng giỗ chạp mồ mả ông bà cha mẹ hàng năm, nhang đèn hàng ngày; bù đắp công sức cho ông K, bà H đã thực hiện các nghĩa vụ có thể tính được bằng giá trị.

Giá trị toàn bộ di sản của ông D yêu cầu chia thừa kế được Tòa án cấp sơ thẩm xác định là 608.025.000đ, chưa tính trừ phần đất ông B, bà H cho ông K, bà H; chưa trừ phần dành để thờ cúng; chưa trừ phần dành để nuôi dưỡng ông Phan P. Do đó, chi phí mà ông K, bà H thực hiện nghĩa vụ do cụ B, cụ H giao thực tế nhiều hơn gấp nhiều lần so với giá trị di sản của cụ B, cụ H để lại.

Từ những phân tích trên, Luật sư đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn; công nhận di chúc lập ngày 06/12/2005 của cụ B, cụ H là hợp pháp.

\* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến công khai tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Phan D; kháng cáo của bị đơn ông Phan K và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phan P và bà Đặng Thị Thu H; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 24/2020/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Phan D, bị đơn ông Phan K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan P, bà Đặng Thị Thu H trong hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự là hợp lệ, nên được chấp nhận.

[2] Về quan hệ huyết thống và di sản thừa kế:

Các đương sự đều thừa nhận cụ Phan B (chết năm 2005) và cụ Nguyễn Thị H (chết năm 2011) có tất cả 05 người con gồm các ông, bà: Phan Thị H, Phan D, Phan P, Phan TC và Phan K; ngoài ra cụ B, cụ H không có con riêng, con nuôi. Khi còn sống, cụ B và cụ H có tạo lập mua đoạn mãi khoảnh vườn có diện tích 02 sào 3 thước của ông Huỳnh Mạnh vào ngày 20 tháng 7 năm 1970. Năm 1984, cụ Phan B đăng ký, kê khai theo Chỉ thị 299/TTg thuộc thửa đất số 61, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.000m<sup>2</sup> loại đất T tại thôn 2, xã NL. Ngày 30-12-2005, UBND thành phố Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Phan B, Nguyễn Thị H thuộc thửa đất số 1406, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.110,5m<sup>2</sup> loại đất ở đô thị, phường NL, thành phố Quảng Ngãi. Đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ B, cụ H để lại là thửa đất 1406, tờ bản đồ số 3, diện tích đo đạc thực tế 1.207,1m<sup>2</sup>, loại đất ở đô thị phường NL theo pháp luật cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm các ông, bà: Phan Thị H, Phan D, Phan P, Phan TC và Phan K; nguyên đơn đồng ý trích ra 01 kỷ phần cho ông Phan K do có công sức bảo quản di sản và chăm sóc người để lại di sản. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phan K xuất trình Di chúc của cụ Phan B, cụ Nguyễn Thị H đề ngày 06/12/2005 (nhằm ngày 06 tháng 11 năm Ất Dậu) có nội dung cụ B, cụ H giao khoảnh vườn và ngôi nhà trên đất có số hiệu 1406, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.105m<sup>2</sup> cho ông Phan K, bà Đặng Thị Thu H. Di chúc được cụ B và cụ H điểm chỉ, lăn tay và có 2 người làm chứng là ông Phan P, bà Phan Thị H xác nhận.

[4] Xét di chúc của cụ Phan B, cụ Nguyễn Thị H thì thấy rằng:

Di chúc được lập ngày 06/12/2005, là thời điểm bộ luật dân sự năm 1995 đang có hiệu lực pháp luật; Bộ luật dân sự năm 2005 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2006, tuy nhiên tại điểm a, mục 2 Nghị quyết số 45/2005-QH11 của Quốc hội về việc thi hành bộ luật dân sự quy định: *“Giao dịch dân sự đang được thực hiện mà có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự thì áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự”*. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết vụ án là đúng pháp luật.

Bị đơn ông Phan K, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan P, bà Phan Thị H đều thừa nhận bản di chúc lập ngày 06/12/2005 không phải do cụ Phan B, cụ Nguyễn Thị H viết mà do ai viết bị đơn không biết; Tại văn bản trình bày ngày 15/3/2021 và tại phiên tòa phúc thẩm, ông Phan K khai di chúc do ông Nguyễn Tấn An, sinh năm 1928 ở tổ 6, phường Quảng Phú viết giúp cho cụ B, cụ H. Theo Điều 656 Bộ luật dân sự quy định: *“Trong trường hợp người lập di chúc không thể tự mình viết bản di chúc thì có thể nhờ người khác viết, nhưng phải có ít nhất là hai người làm chứng. Người lập di chúc phải ký hoặc điểm chỉ vào bản di chúc trước mặt những người làm chứng; những người làm chứng xác nhận chữ ký, điểm chỉ của người lập di chúc và ký vào bản di chúc”*. Tại phiên tòa bị đơn thừa nhận Bản di chúc này lập thành 02 trang nhưng không đánh số thứ tự từng trang, cụ B cụ H chỉ áp chỉ ở trang cuối; ngoài ông P và bà H ký và áp chỉ xác nhận dấu áp chỉ của cụ B, cụ H thì không còn ai ký vào Bản di chúc này; Bản di chúc này không được công chứng hoặc chứng thực.

Di chúc ngày 06/12/2005 của cụ B, cụ H có xác nhận của ông Phan P, bà Phan Thị H là người làm chứng. Xét thấy, ông P và bà H là hai người con của cụ B, cụ H, là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của cụ B, cụ H nhưng lại làm chứng xác nhận di chúc do cụ B, cụ H là vi phạm Khoản 1 Điều 654 Bộ luật dân sự 2005. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định di chúc nêu trên không hợp pháp là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Do di chúc ngày 06/12/2005 của cụ B, cụ H không hợp pháp nên di sản là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 1406, tờ bản đồ số 3, phường NL được chia thừa kế theo pháp luật. Theo đo đạc thực tế thì thửa đất số 1406, tờ bản đồ số 3



(nay là thửa số 160, tờ bản đồ số 49 đo vẽ năm 2016), diện tích 1.207,1m<sup>2</sup> loại đất ở đô thị, tăng 96,6m<sup>2</sup> so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được công nhận cho cụ Phan B, Nguyễn Thị H. Tại biên bản làm việc ngày 11/7/2019 UBND phường NL xác định diện tích đất tăng tăng 96,6m<sup>2</sup> là do sai số liệu trong quá trình đo đạc; Từ trước đến nay các hộ liền kề không tranh chấp ranh giới với cụ Phan B, Nguyễn Thị H tại thửa đất này.

[6] Sau khi trừ diện tích 101,6m<sup>2</sup> làm lối đi chung nằm phía Tây của thửa đất thì diện tích còn lại là 1.105,5m<sup>2</sup> được chia thành 06 kỷ phần cho 05 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ B, cụ H gồm các ông bà: Phan Thị H, Phan D, Phan P, Phan TC và Phan K mỗi người được nhận diện tích 184,25m<sup>2</sup>, riêng ông Phan K được nhận thêm 01 kỷ phần do có công sức trong việc giữ gìn, bảo quản di sản và chăm sóc người để lại di sản. Tổng cộng ông Phan K được nhận 02 kỷ phần, ông Phan P và bà Phan Thị H nhường phần di sản của mình được nhận cho ông Phan K nên tổng cộng ông K được nhận 04 kỷ phần tương đương với diện tích 737m<sup>2</sup> có giá trị 405.350.000đ.

Ông Phan D được nhận 01 kỷ phần và 01 kỷ phần do bà Phan TC tự nguyện giao lại nên tổng cộng ông Phan D được nhận 368,5m<sup>2</sup>. Theo hiện trạng thửa đất 1406, tờ bản đồ số 3 phường NL, ở phía Bắc thửa đất có các công trình, vật kiến trúc là 02 chuồng heo, nhà tắm, nhà vệ sinh gắn liền với nhà gạch do vợ chồng ông Phan K, bà Đặng Thị Thu Hà sử dụng; phần đất trống chỉ có diện tích 222,2m<sup>2</sup>. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm giao phần diện tích đất 222,2m<sup>2</sup> cho ông Phan D, phần diện tích 146,3m<sup>2</sup> ông D được nhận giao cho ông Phan K và buộc ông Phan K có nghĩa vụ hoàn trả lại giá trị của diện tích đất 146,3m<sup>2</sup> là 80.465.000đ là phù hợp với hiện trạng thửa đất, hạn chế đỡ đọng công trình kiến trúc trên đất. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn về việc yêu cầu Tòa án giao đủ 368,5m<sup>2</sup>.

[7] Xét kháng cáo của bị đơn ông Phan K, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Thu H, ông Phan P về việc tính công sức nuôi dưỡng cụ Phan B, cụ Nguyễn Thị H, tiền giỗ chạp hàng năm và các nghĩa vụ khác theo Bản di chúc mà cụ B, cụ H giao cho ông K, bà H đã và đang thực hiện từ năm 2000 đến nay là 2.084.885.640đ. Di sản của cụ B, cụ H để lại chỉ có 608.025.000đ (theo xác định của cấp sơ thẩm) không đủ bù đắp các nghĩa vụ mà ông K, bà H đã thực hiện nên không còn di sản để chia thừa kế, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại cấp sơ thẩm, bị đơn không có yêu cầu tính công sức nuôi dưỡng cụ B, cụ H cũng như số tiền lo ma chay, tang lễ cụ B, cụ H và cũng không xuất trình chứng cứ chứng minh. Theo quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về phạm vi xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét, chấp nhận. Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xem xét trích 01 kỷ phần thừa kế tương đương diện tích 184,25m<sup>2</sup> cho ông Phan K vì có công bảo quản, giữ gìn di sản và chăm sóc người để lại di sản là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, phía bị đơn thừa nhận trước khi chết cụ B và cụ H không có nghĩa vụ về tài sản cho người

khác. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo này của bị đơn và của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà Phan Thị H là người cao tuổi và ông Phan P là người khuyết tật và có đơn xin miễn án phí nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà H, ông P là đúng. Phần di sản bà H, ông P được nhận tự nguyện giao lại cho ông Phan K và ông Phan K đồng ý nhận phần di sản của bà H, ông P nên ông Phan K phải chịu án phí sơ thẩm đối với phần di sản được hưởng theo quy định tại điểm a khoản 7 điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không tính án phí phần di sản được nhận này của ông Phan K là thiếu sót. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa phần án phí sơ thẩm ông Phan K của bản án sơ thẩm, cụ thể như sau:

Ông Phan K phải chịu 20.214.000đ án phí dân sự sơ thẩm [20.000.000đ + (5.350.000 x 4%)]

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm về phần án phí nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[10] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tại cấp phúc thẩm với số tiền 1.200.000đ nguyên đơn phải chịu, nguyên đơn đã nộp và chi phí xong.

[11] Xét luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Luật sư cho nguyên đơn; luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Luật sư cho bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không phù hợp với nhận định trên, nên không được chấp nhận.

[12] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi là phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận. Phần đề nghị về giữ nguyên án phí dân sự thẩm là không phù hợp với nhận định trên nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Khoản 5 Điều 98 của Luật đất đai năm 2013; Điều 646, 647, 650, 652, 654, 655, 656 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 254, 612, 613, 620, 623, 649, 650, 651 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Phan D, bị đơn ông Phan K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Thu H, ông Phan P.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 24/2020/DS-ST ngày 24/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi về án phí dân sự sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan D về việc chia thừa kế di sản của cụ Phan B và cụ Nguyễn Thị H theo pháp luật đối với diện tích đất  $1.207,1\text{m}^2$ , thuộc thửa đất số 1406, tờ bản đồ số 3 (nay là thửa số 160, tờ bản đồ số 49 đo vẽ năm 2016), phường NL, thành phố Quảng Ngãi.

2. Tuyên bố Di chúc lập ngày 06 tháng 12 năm 2005 nhằm ngày 06 tháng 11 năm Ất Dậu của cụ Phan B và cụ Nguyễn Thị H không hợp pháp.

3. Hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của cụ B và cụ H gồm các ông, bà Phan Thị H, Phan D, Phan TC, Phan P và Phan K.

4. Mở lối đi có diện tích là  $101,6\text{m}^2$  (ký hiệu là C) thuộc một phần thửa đất số 1406, tờ bản đồ số 3 (nay là thửa số 160, tờ bản đồ số 49 đo vẽ năm 2016), phường NL, thành phố Quảng Ngãi có giới cận phía Bắc giáp thửa 146, phía Tây giáp thửa 147 và đường đi, phía Nam giáp thửa 171, phía Đông giáp phần đất giao cho ông Phan D và ông Phan K.

5. Di sản thừa kế của cụ Phan B và cụ Nguyễn Thị H được chia theo pháp luật cho bà Phan Thị H, ông Phan D, bà Phan TC, ông Phan P và ông Phan K là  $1.207,1\text{m}^2$  đất, loại đất ở đô thị; trừ  $101,6\text{m}^2$  mở lối đi còn lại là  $1.105,5\text{m}^2$ , thành tiền là 608.025.000 đồng thuộc thửa đất số 1406, tờ bản đồ số 3 (nay là thửa số 160, tờ bản đồ số 49 đo vẽ năm 2016), phường NL, thành phố Quảng Ngãi. Ông Phan K được nhận thêm 01 kỷ phần công tôn tạo, bảo quản di sản, công sức chăm sóc và nuôi dưỡng người để lại di sản, do đó mỗi kỷ phần được nhận là  $184,25\text{m}^2$  đất.

6. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phan TC về việc từ chối nhận kỷ phần thừa kế được hưởng là  $184,25\text{m}^2$  đất và giao cho ông Phan D.

7. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phan Thị H và ông Phan P về việc từ chối nhận kỷ phần thừa kế của mình được hưởng là  $184,25\text{m}^2 \times 2 = 368,5\text{m}^2$  đất và giao cho ông Phan K.

8. Giao cho ông Phan D quản lý, sử dụng diện tích đất  $222,2\text{m}^2$ , loại đất ở đô thị (ký hiệu là A) thuộc một phần thửa đất số 1406, tờ bản đồ số 3 (nay là thửa số 160 tờ bản đồ số 49 đo vẽ năm 2016), phường NL, thành phố Quảng Ngãi có giới cận: Phía Bắc giáp thửa đất số 146; phía Đông giáp thửa đất số 168; phía Nam giáp phần đất giao cho ông Phan K và phía Tây giáp phần đất mở lối đi. Trên diện tích đất giao cho ông Phan D có 01 chuồng heo và cây trồng của ông Phan K và bà Đặng Thị Thu H.

9. Giao cho ông Phan K quản lý, sử dụng diện tích đất  $883,3\text{m}^2$  loại đất ở đô thị (ký hiệu là B), thuộc một phần thửa đất số 1406, tờ bản đồ số 3 (nay là thửa số 160, tờ bản đồ số 49 đo vẽ năm 2016), phường NL, thành phố Quảng Ngãi có giới cận phía Bắc giáp phần đất giao cho ông Phan D; phía Đông giáp các thửa đất số 168, 169, 170, 180, 179 và 181; phía Nam giáp các thửa đất số 171, 177, 178 và phía Tây giáp phần đất mở lối đi.

10. Phần đất giao cho ông Phan K nhiều hơn so với kỷ phần được hưởng là 146,3m<sup>2</sup>, do đó buộc ông Phan K phải thanh toán cho ông Phan D số tiền là 80.465.000đ (Tám mươi triệu, bốn trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

11. Buộc ông Phan D phải thanh toán cho ông Phan K giá trị chuồng heo là 823.860đ (Tám trăm hai mươi ba nghìn, tám trăm sáu mươi đồng). Ghi nhận sự tự nguyện của ông Phan D về việc thanh toán giá trị cây trồng trên phần đất được nhận và trên phần đất mở lối đi cho ông Phan K số tiền là 5.500.000đ (Năm triệu, năm trăm nghìn đồng).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

(Phần đất chia cho các đương sự quản lý, sử dụng có sơ đồ kèm theo bản án sơ thẩm và là một bộ phận không thể tách rời của bản án).

12. Về chi phí tố tụng khác: Chi phí trích đo thửa đất là 4.200.000 đồng, chi phí xem xét, thẩm định là 1.500.000 đồng và phí thẩm định giá tài sản là 4.000.000 đồng, tổng cộng là 9.700.000 đồng. Các ông, bà H, D, C, P, K mỗi người phải chịu 1.940.000đ (Một triệu, chín trăm bốn mươi nghìn đồng). Số tiền này ông Phan D đã tạm nộp nên buộc ông Phan K phải hoàn trả cho ông Phan D số tiền 5.820.000đ (Năm triệu, tám trăm hai mươi nghìn đồng).

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tại cấp phúc thẩm với số tiền 1.200.000đ nguyên đơn ông Phan D phải chịu, nguyên đơn đã nộp và chi phí xong.

13. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Phan D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản được nhận là 10.134.000đ đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí ông D đã nộp là 2.000.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0003362 ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi. Ông Phan D còn phải nộp số tiền 8.134.000đ (Tám triệu một trăm ba mươi bốn nghìn đồng).

- Ông Phan K phải chịu 20.214.000đ (hai mươi triệu hai trăm mười bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Phan D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ do ông Phan D đã nộp tại biên lai thu tiền số AA/2018/0005246 ngày 01/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

- Ông Phan K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ do ông Phan K đã nộp (Bà Đặng Thị Thu H

nộp thay) tại biên lai thu tiền số AA/2018/0005242 ngày 30/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

- Bà Đặng Thị Thu H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả cho bà H số tiền 300.000đ do đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm tại biên lai thu tiền số AA/2018/0005241 ngày 30/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

- Ông Phan P được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND Tp. Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS Tp. Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Đức Dũng**